

Bản án số: 199/2017/DS-PT

Ngày: 30 -11 - 2017

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Hồ Minh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Dẽ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2017/TLPT-DS ngày 29 tháng 9 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2017/QĐPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị S (X), sinh năm 1940 (có mặt).

Địa chỉ : Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X): Ông Ngô Đức Bình, Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn K, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn K: Luật sư Lê Thanh Thuận, Văn phòng luật sư Lê Thanh Thuận- Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn L, sinh năm 1960 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1974 (vắng mặt).

3. Bà Cao Thị H, sinh năm 1960 (vắng mặt).

4. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1988 (có mặt).

5. Bà Ngô Kim Y, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

6. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Nguyễn Việt K, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn K – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là Bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) trình bày: Vào năm 1994, bà có cho con trai là ông Lê Văn K một phần đất vườn có diện tích 5.000m^2 tọa lạc ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Việc cho đất thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, ông K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi cơ quan Nhà nước đo đạc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà có xác định ranh để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K. Khi đo đạc thực tế phần đất có diện tích 5.875m^2 nhưng dư một phần diện tích có vị trí là một phần ngay phần đất bà đang quản lý sử dụng và cất nhà trên đất có diện tích khoảng 700m^2 . Theo đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích là $5.827,1\text{m}^2$ (trong đó có diện tích nền mộ và đất thổ cư). Việc cho đất trước đây không có lập thành văn bản. Khi cho đất bà chỉ nói cho diện tích là 5.000m^2 đất vườn bao trùm cả nền mộ chứ không nói cho mặt tiền. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả lại cho bà phần đất thừa với diện tích là $827,1\text{m}^2$ tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị S trình bày: Bà Đỗ Thị S không cho ông Lê Văn K phần đất gắn với nhà là có căn cứ. Bởi từ xưa đến nay, bà S chỉ có ở tại căn nhà trên phần đất tranh chấp là duy nhất. Trước đó cất nhà bằng cây lá địa phương, đến khi các con lớn cho đất để ở riêng thì bà S xây dựng thành nhà cơ bản và tiếp tục ở cho đến nay. Bà S chỉ ở một mình, không còn chỗ ở nào khác nên không thể nói bà S cho ông K phần đất gắn liền với căn nhà này. Đồng thời một phần đất bị thu hồi diện tích là $398,5\text{m}^2$ đề nghị được đổi trừ diện tích. Từ những căn cứ và nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của bà S, buộc ông K, ông L, bà H và bà P giao trả lại cho bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) một phần đất diện tích là $799,72\text{m}^2$ tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn là ông Lê Văn K trình bày: Ông thừa nhận đã được mẹ ruột là bà Đỗ Thị S cho phần đất và đã chuyển tên quyền sử dụng đất như bà S trình bày. Bà S cho rằng phần đất dư là không đúng, phần đất bà S đang ở và sử dụng là đất của ông do bà S đã cho ông. Ông đồng ý cho bà S ở và sử dụng đất khi nào bà S chết thì ông lấy lại sử dụng, thậm chí bà S muốn chôn cất ở đó ông vẫn đồng ý. Ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà S. Toàn bộ phần đất được cho có diện tích 5.000m^2 ông đã chuyển nhượng lại cho anh ruột là ông Lê Văn L từ năm 2004, việc chuyển nhượng chỉ làm giấy tay, chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Ông vẫn y việc chuyển nhượng cho ông L và không tranh chấp gì với ông L trong vụ án này. Ông thống nhất với diện tích đo đạc thực tế là $5.827,1\text{m}^2$, phần diện tích nền mộ ông yêu cầu được trừ ra theo đo đạc thực tế là $425,88\text{m}^2$ và yêu cầu được trừ đất thổ cư là 300m^2 , phần còn thừa lại là $101,22\text{m}^2$ ông đồng ý trả lại cho bà S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn L trình bày: Ông thừa nhận có nhận chuyển nhượng đất của ông Lê Văn K đúng như ông K trình bày. Ông thống nhất giữ y việc chuyển nhượng đất với ông K, không có tranh chấp gì với ông K. Phần đất tranh chấp hiện ông đang quản lý sử dụng, riêng phần của bà S đang ở, quản lý sử dụng và trồng cây ăn trái có diện tích khoảng 800m^2 đến

900m². Ông đồng ý cho bà S ở trên đất khi nào chết thì ông lấy lại, thậm chí chôn cất trên đó ông vẫn đồng ý.

Ông Lê Văn K, bà Cao Thị H, bà Nguyễn Hồng P, ông Lê Văn Đ, bà Ngô Kim Y và Ủy ban nhân dân huyện P có văn bản trình bày ý kiến nhưng vắng mặt tại phiên tòa:

Bà Cao Thị H trình bày: Vào ngày 20/10/2004, bà cùng chồng là ông Lê Văn L đã nhận chuyển nhượng phần đất của ông Lê Văn K tổng diện tích là 5.000m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phía Bắc giáp lộ xe, phía Đông giáp ông Lê Văn Đoàn, phía Tây giáp ông Lê Văn Mót, phía Nam giáp ông Lê Văn L. Phần đất được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông K vào ngày 24 tháng 01 năm 1994. Trong khi sang nhượng giữa bà và ông K không làm giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà chỉ làm giấy tay có sự chứng kiến của chính quyền địa phương vì giữa bà và ông K không có tranh chấp. Sau một thời gian bà sử dụng thì bà Đỗ Thị S khởi kiện cho rằng phần đất bà cho ông K dư 875m² và yêu cầu lấy lại. Theo bản đồ trên quyền sử dụng đất từ mặt tiền đo vào giáp ranh với phần nền mộ đủ 5.000m² là của bà, còn dư bao nhiêu thì bà trả lại cho bà S trừ phần nền mộ của dòng tộc.

Bà Nguyễn Hồng P trình bày: Vào năm 1994, bà cùng chồng là Lê Văn K được mẹ chồng là bà Đỗ Thị S cho phần đất có tổng diện tích là 5.000m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phía Bắc giáp lộ xe, phía Đông giáp ông Lê Văn Đoàn, phía Tây giáp ông Lê Văn Mót, phía Nam giáp ông Lê Văn L. Phần đất được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất cho ông K vào ngày 24/01/1994. Qua thời gian dài sử dụng và canh tác, bà đã chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn L toàn bộ phần đất là 5.000m² nhưng chưa chuyển tên vì giữa vợ chồng bà và ông L không có tranh chấp. Ông L sử dụng được một thời gian thì bà Đỗ Thị S khởi kiện cho rằng phần đất bà S cho vợ chồng bà dư 875m² và yêu cầu lấy lại. Theo bản đồ trên quyền sử dụng đất từ mặt tiền đo vào giáp ranh với phần nền mộ đủ 5.000m² là của bà, còn dư bao nhiêu thì bà trả lại cho bà S trừ phần nền mộ của dòng tộc.

Ông Lê Văn Đ trình bày: Năm 2010, sau khi kết hôn cùng bà Ngô Kim Y, ông được cha mẹ cho ở riêng và cho phần đất khoảng 500m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau để cất nhà và sinh sống, không có tranh chấp với ai. Ông cùng vợ là Ngô Kim Y có xây dựng một căn nhà trên phần đất tranh chấp giữa bà Đỗ Thị S với ông Lê Văn K. Căn nhà có kết cấu như sau: Mái lợp lá, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, vách lá, nền nhà một phần lát gạch men, phần còn lại trát xi măng, căn nhà được xây dựng năm 2012 có diện tích 56m². Đối với căn nhà ông và bà Yên đang quản lý sử dụng ông không có yêu cầu gì, đồng thời không yêu cầu định giá tài sản. Nếu phần đất ông đang cất nhà Tòa án phán quyết thuộc về bà S thì ông đồng ý tháo dỡ, di dời để trả lại phần đất cho bà S và không yêu cầu gì khác.

Bà Ngô Kim Y trình bày: Năm 2010, sau khi kết hôn cùng chồng là Lê Văn Đ thì bà và ông Đạm được cha mẹ chồng cho ra ở riêng và cho phần đất khoảng 500m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau để cất nhà ở và không có tranh chấp với ai.

Ủy ban nhân dân huyện P có văn bản trình bày: Ông Lê Văn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thủ tục đăng ký cấp lần đầu, chỉ căn cứ

vào danh sách do chính quyền cấp xã xét duyệt để cấp nên không còn tài liệu lưu lại. Việc cấp quyền sử dụng đất cho ông K là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 35/STDS ngày 31/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S. Buộc anh Lê Văn K và Lê Văn L có trách nhiệm giao trả cho bà Đỗ Thị S phần đất diện tích 873m².

Tại bản án phúc thẩm số 433/2007/PTDS ngày 23/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị S đòi quyền sử dụng đất đối với anh Lê Văn K.

Tại quyết định giám đốc thẩm số 50/2011/DS-GĐT ngày 20/01/2011 của Tòa án nhân dân Tối cao quyết định: Hủy bản án sơ thẩm số 35/STDS ngày 31/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện P và bản án phúc thẩm số 433/2007/PTDS ngày 23/3/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau với lý do cần xác minh làm rõ diện tích đất mà bà S cho anh Khởi, lý do anh Khởi chỉ đăng ký kê khai diện tích 5000m² và thực tế ai là người quản lý phần đất gắn liền với nhà.

Tại bản án sơ thẩm số 06/STDS ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị S. Buộc anh Lê Văn K và Lê Văn L có trách nhiệm giao trả cho bà Đỗ Thị S phần đất diện tích 873m².

Tại bản án phúc thẩm số 153/DS- PT ngày 15/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân lý do bản án sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và phía bị đơn đồng ý đo đạc lại diện tích đất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X). Buộc ông Lê Văn K, ông Lê Văn L, bà Nguyễn Hồng P và bà Cao Thị H giao cho bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) một phần diện tích đất 221,2m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất của ông Lê Văn K (hiện ông Lê Văn L) đang quản lý sử dụng có chiều dài 15,8 mét.

Phía Tây giáp phần đất còn lại của bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) có chiều dài 15,8 mét.

Phía Nam giáp phần đất còn lại của ông K (hiện ông Lê Văn L) đang quản lý sử dụng có chiều dài 14 mét.

Phía Bắc giáp Lộ Cống đá Kinh tư - Giáp nước (Kênh xáng ven đầm) có chiều dài 14 mét.

(Có kèm theo Mạnh trích đo địa chính).

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) về việc yêu cầu ông Lê Văn K, ông Lê Văn L, bà Cao Hồng Phỉ và bà Nguyễn Thị Hiền giao trả một phần đất có diện tích đất 605,9m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc xem xét thẩm định, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2017 ông Lê Văn K kháng cáo với nội dung không đồng giao phần đất có chiều ngang 22m cho bà Đỗ Thị S vì phần đất này ông đứng tên quyền sử dụng đất và ông đang canh tác, sử dụng ổn định. Tại phiên tòa phúc thẩm ông K xác định kháng cáo không đồng ý giao đất như bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông K tranh luận: Nhà bà S tồn tại vào năm 1994 với chiều ngang là 08m, bà S cho rằng cho đất ông K từ phía sau nhà bà S và chỉ cho 5000m² là không có cơ sở, hiện nay nếu đo dư đất thì cũng do lịch sử trước đây cấp đất đại trà, cấp sơ thẩm chấp nhận giao cho bà S sử dụng chiều ngang 14m cũng không đúng với thực tế.

Ông K không tranh luận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà S tranh luận: Phần đất cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà S là có căn cứ vì bà S đã ở trên đất từ trước khi tranh chấp đến nay, diện tích phần đất ông K được cấp là 5000m² trong khi đó đo đạc là hơn 5000m². Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân. Lý do nguồn gốc đất của anh Khởi được bà S tặng cho, riêng căn nhà bà S không tặng cho từ khi cho đất đến nay, bà S đã ở ổn định thời gian dài không ai tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Văn K vẫn giữ nguyên quan điểm không đồng ý trả lại phần đất có nhà bà Đỗ Thị S đang ở vì phần đất này bà S đã cho Ông vào năm 1994. Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước cấp quyền sử dụng đất cho Ông đúng theo trình tự luật định, đề nghị giữ nguyên hiện trạng đo đạc, giữ nguyên quyền sử dụng đất cho ông, bác yêu cầu của bà S.

Xét yêu cầu của ông K: Ông khẳng định phần đất tranh chấp mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông phải giao trả cho bà S là bà S đã cho ông, tuy nhiên ông cũng xác định tại Tòa khi đo đạc cấp quyền sử dụng đất, không đo đạc cụ thể nhưng phần đất này thuộc quyền sử dụng đất của ông theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện. Mặc dù, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông K có phần đất tranh chấp, tuy nhiên phần đất có nhà thực tế bà S đã ở từ trước khi cho đất ông K đến nay. Xét về nguồn gốc và diện tích phần đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của vợ

chồng bà Đỗ Thị S, chồng bà S hy sinh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, bà S một mình nuôi các con trưởng thành. Đến năm 1994, bà S phân chia đất cho các con để ở riêng, trong đó có con trai út là Lê Văn K. Bà S cho diện tích 17.300m² đất nông nghiệp (đất không có tranh chấp) và 5.000m² trong đó đất vườn là 4.700m² và đất ở là 300m² (đang tranh chấp). Tổng diện tích Ông được cho là 22.300m².

[2] Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh K thể hiện có phần đất hiện các bên đương sự đang tranh chấp, tuy nhiên xét Nhà nước cấp quyền sử dụng cho người sử dụng với mục đích sử dụng đúng mục đích, khi Nhà nước cấp quyền sử dụng cho ông K có bao trùm phần đất mà bà S đang quản lý và sử dụng, thực tế anh Khởi không sử dụng phần đất tranh chấp có nhà của bà S với diện tích là 221,2m². Bà S đã quản lý sử dụng từ năm 1962 đến nay không tranh chấp. Khi bà S cho ông K đất thì bà S chỉ khẳng định cho 5000m², theo đo đạc thực tế hiện nay diện tích của ông K là 5.827,1m² nên bà S cho rằng phần đất dư là phần đất bà đang ở, bà không cho ông K. Việc cho đất ông K cũng không chứng minh được đất bà S cho ông K ở vị trí nào, lúc cấp quyền sử dụng đất cũng không đo đạc, chỉ cấp trên cơ sở các đương sự kê khai. Khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà S không biết vị trí kích thước khu đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông K được cấp.

[3] Tại phiên tòa luật sư và bị đơn xác định căn cứ kháng cáo của ông K là do phần đất trước đây của bà S rất lớn, khi chia đất cho ông K bà S giữ lại ½ đất, chia cho ông K sử dụng ½. Chính căn cứ này một lần nữa chứng minh được nếu cho ½ quyền sử dụng đất thì bà S đã thể hiện ý chí của bà S là không cho phần đất có nhà bà S đang ở cho ông K, mục đích cho ông K ở riêng. Tại phiên tòa ông K cũng trình bày ông K ở chung với bà S vào năm 1992, đến năm 1994 thì ông K ở riêng, do mâu thuẫn từ việc bà S cho đất cho người con khác là anh của ông K, chính việc mâu thuẫn nên bà S mới cho ông K ở riêng và cho ông K đất. Do đó, không có việc bà S cho ông K ở riêng mà cho ông K luôn căn nhà và đất bà S đang ở. Bà S ở và sửa chữa xây nhà kiên cố như hiện nay có chiều ngang là 14m nhưng ông K cũng không có ý kiến gì. Xét thực tế việc sử dụng đất từ trước đến nay của bà S ổn định không ai tranh chấp nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S là có cơ sở. Vì vậy, quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S có căn cứ chấp nhận.

[4] Như phân tích trên, chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn K, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm do đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đã phát sinh hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm ông Lê Văn K phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X). Buộc ông Lê Văn K, ông Lê Văn L, bà Nguyễn Hồng P và bà Cao Thị H giao cho bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) một phần diện tích đất 221,2m² tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau. Phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp phần đất của ông Lê Văn K (hiện ông Lê Văn L) đang quản lý sử dụng có chiều dài 15,8 mét.

Phía Tây giáp phần đất còn lại của bà Đỗ Thị S (Đỗ Thị X) có chiều dài 15,8 mét.

Phía Nam giáp phần đất còn lại của ông K (hiện ông Lê Văn L) đang quản lý sử dụng có chiều dài 14 mét.

Phía Bắc giáp Lộ Cống đá Kinh tư - Giáp nước (Kênh xáng ven đầm) có chiều dài 14 mét.

(Có kèm theo Mảnh trích đo địa chính).

Án phí phúc thẩm ông Lê Văn K phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/8/2017 ông Lê Văn K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006697 tại Chi cục thi hành án huyện P được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc phẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà